| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T**<br>**THÀNH PHỐ H** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do –Hạnh phúc** |
| Số: **774**/2023/QĐST-HNGĐ | *T, ngày 16 tháng 8 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
# TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T- THÀNH PHỐ H

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 82, 83, 84, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 649/2023/HNST ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu:*

1. Bà Lê Thị Minh H, sinh năm 1995; HKTT: 258/5 VL, phường PTH, quận T, Thành phố H; Địa chỉ liên lạc: 258/19 VL, phường PTH, quận T, Thành phố H.

2. Ông Hồ Hải Đ, sinh năm 1989; HKTT: 52/18 BA, khu phố 3, phường ĐV, thành phố PR – TC, tỉnh NT.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Minh H và ông Hồ Hải Đ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng của bà H và ông Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ghi nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Hai bên xác nhận có 01 (một) con chung tên Hồ ĐA, sinh ngày 03/9/2018. Khi ly hôn hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện từ tháng 8/2023.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị Minh H và ông Hồ Hải Đ phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Minh H và ông Hồ Hải Đ cùng thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Đ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2018 do Ủy ban nhân dân phường PTH, quận T, Thành phố H cấp ngày 27/02/2018 chấm dứt kể từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Hồ ĐA, sinh ngày 03/9/2018 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện từ tháng 8/2023.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đ không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Khi lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đ được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có.

**2.** Về lệ phí việc dân sự: Bà Lê Thị Minh H và ông Hồ Hải Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà H và ông Đ đã nộp theo Biên lai số 0006376 ngày 13/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Bà H và ông Đ đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. T;
- Cơ quan thực hiện việc Đ ký kết hôn;
- Chi cục THA.DS Q. T;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Lê Viết Hoàng Lâm**